TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2023/HS-ST
Ngày 14 tháng 6 năm 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH A

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Quốc Việt

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Mỹ Hường và bà Huỳnh Thị Thúy Hoa.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Khoa - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh A, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 61/2023/TLST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 65/2023/QĐXXST- HS ngày 29 tháng 5 năm 2023, đối với

- Bị cáo: Tô Thị Đ, sinh ngày 23 tháng 11 năm 1982 tại thành phố L, tỉnh A; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Tổ X, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh A; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; đảng, đoàn: không; con ông Tô Văn M (chết) và bà Trần Thị K, sinh năm 1957; chồng Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 1976 đã ly hôn, có 02 con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Từ nhỏ đến lớn sống chung với cha mẹ, đi học hết lớp 1 thì nghỉ; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

- Bị hại: Ông Nguyễn Thành A, sinh năm 1966; địa chỉ: Số A, tổ C, ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh Đ (vắng mặt);

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Ung Thị H, sinh năm 1987; Nơi ở hiện nay: Số V, đường L, phường V, quận C, thành phố H; Đăng ký thường trú: Số A, tổ B, ấp H, xã H1, thành phố C, tỉnh Đ (vắng mặt);

- Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1967. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 07 tháng 09 năm 2020 Ung Thị H cho Tô Thị Đ vay 110.000.000 đồng, lãi suất theo thỏa thuận, thời hạn vay 02 năm (07/9/2020 đến 07/9/2022), nhưng sau đó Đ chậm trả vốn và lãi. Đến ngày 01 tháng 01 năm 2022 H và Đ thỏa thuận mỗi ngày Đ trả cho H 470.000 đồng cho đến khi hết nợ, người thu tiền là bà Nguyễn Thanh H1 (mẹ của H). Bị cáo Đ trả được 63 ngày với số tiền 29.610.000 đồng.

Khoảng 12 giờ ngày 17 tháng 4 năm 2022, H kêu Nguyễn Thành A (chồng H) đến quán cơm chay Cây Đ ở khóm T2, phường M, thành phố L để đòi nợ. Khi A đến quán gặp Đ đòi nợ thì Đ nói "tôi thiếu nợ chị H và đã nói với chị H là trả cho mẹ chị H, có gì kêu chị H lại đây tôi trả liền" và đề nghị đưa sổ sách để chị trả nợ nhưng ông A không đồng ý đưa sổ sách và nói "chị không trả tiền thì tôi sẽ quậy quán cơm của chị, tôi không cho chị bán nữa", "nếu không trả nợ tôi kêu con cháu qua đánh chị", Đ trả lời "tôi với anh đánh nhau thôi chứ khỏi kêu ai" và bỏ đi ra quầy bán đồ ăn, A tiếp tục thách thức "mày muốn gì, muốn gì, chị ngon chị đánh tôi đi" khi nghe A nói vậy Đ cầm cái ghế nhựa của quán cơm bằng tay trái đánh, ông A giơ tay phải lên đở và bị thương tích được đưa đến Bệnh viện Đa khoa Trung tâm A cấp cứu và điều trị đến ngày 19 tháng 4 năm 2022 ra viện.Vật chứng thu giữ: 01 cái ghế nhựa màu xanh, cao 40 cm.

Căn cứ bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 341/22/TgT ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Trung tâm pháp y tỉnh A đối Nguyễn Thành A, sinh năm 1966 ghi nhận dấu hiệu chính qua giám định: Sưng nề cẳng tay phải không tồn tại thương tích; Gãy kín 1/3 dưới xương trụ phải và mỏm trâm trụ phải, điều trị bảo tồn; Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 14%. Thương tích do vật tày gây nên.

Quá trình điều tra A yêu cầu Đ phải bồi thường thiệt hại sức khỏe và tinh thần với tổng số tiền 162.089.154 đ (một trăm sáu mươi hai triệu, không trăm tám mươi chín ngàn, một trăm năm mươi bốn đồng). Ngày 07 tháng 3 năm 2023 Đ nộp 5.000.000 đồng cho Cơ quan Cảnh sát điều tra để bồi thường cho A nhưng A không nhận, Cơ quan đã nộp vào kho bạc nhà nước theo giấy nộp tiền ngày 07/4/2023; ngày 29/5/2023 Đ nộp bồi thường thêm số tiền 5.000.000 đồng theo biên lai thu số 0001557 của Chi cục thi hành án dA sự thành phố L

Tại Cáo trạng số 64/CT-VKSLX-HS ngày 08/5/2023, Viện kiểm sát nhA dA thành phố L, tỉnh A truy tố Tô Thị Đ về tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án:

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị:

Về trách nhiệm hình sự: điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt: Bị cáo Tô Thị Đ từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 03 (ba) đến 04 (bốn) năm về tội *"Cố ý gây thương tích"*.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 ghế nhựa.

Về trách nhiệm dA sự: Áp dung Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 590 Bộ luật dA sự. Đề nghị xem xét chấp nhận các khoản chi phí như sau: Chi phí điều trị tại Bệnh viên ĐKTTAG 2.389.154 đồng (có hóa đơn chứng); Tiền mất thu nhập từ nghề chạy xe mô tô khách theo mức lao động phổ thông 200.000 đồng/ngày x 60 ngày = 12.000.000 đồng; Tiền tổn thất tinh thần 05 tháng lương cơ sở x 1.490.000 đồng = 7.450.000 đồng; Tiền xe ôm chở đi cấp cứu 100.000 đồng; Tiền thuê xe từ A về Đ (xuất viện) 500.000 đồng. Tổng số tiền buộc bị cáo bồi thường cho bị hại là 22.439.000 đồng.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, không tranh luận với bản luận tội của Kiểm sát viên, xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhA dA thành phố L vẫn giữ nguyên quan điểm như đã đề nghị tại bản luận tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và quyết định hình phạt theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị hại Nguyễn Thành A có đơn đề ngày 22/4/2022 yêu cầu khởi tố vụ án hình sự; ngày 12/6/2023 có đơn gửi đến Tòa án rút yêu cầu xử lý hình sự đối với Đ, yêu cầu đình chỉ vụ án. Tuy nhiên, bị cáo Đ bị truy tố xét xử theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự nên vụ án không được đình chỉ theo quy định tại khoản 2 Điều 155 Bộ luật tố tụng hình sự, yêu cầu này chỉ được xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Tại phiên tòa, bị hại A vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Xét thấy, sự vắng mặt của bị hại không gây trở ngại đến việc xét xử của vụ án. Căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của bị hại, người làm chứng, cùng vật chứng và các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 12 giờ ngày 17/4/2022 xuất phát từ việc bị hại A không phải là người cho bị cáo Đ vay tiền nhưng lại đến đòi nợ và thách thức quậy quán cơm chay của bị cáo Đ, kêu con cháu qua đánh bị cáo Đ dẫn đến bị cáo Đ cầm ghế nhựa bằng tay trái là hung khí nguy hiểm đánh A, A giơ tay phải lên đỡ gây thương tích gây gãy kín với tỷ lệ thương tật 14%.

Hành vi nêu trên của bị cáo Đ đã phạm tội "Cố ý gây thương tích", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 có khung hình phạt tù từ 02 năm đến 06 năm tù.

[3] Về tính chất mức độ của hành vi:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sức khỏe của người bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Tuy nhiên có xem xét lỗi ban đầu xuất phát từ phía bị hại, căn cứ "Giấy cho mượn tiền" người trực tiếp ký nhận cho vay tiền là Ung Thị H, thời hạn vay 02 năm vẫn chưa hết, biên nhận nợ không liên quan đến bị hại A, nhưng bị hại trực tiếp đến đòi nợ, không mang theo sổ sách, biên nhận còn thách thức bị cáo dẫn đến việc cải vả gây thương tích. Do đó, cần áp dụng một hình phạt nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục các bị cáo trở thành công dA tốt, tôn trọng pháp luật đồng thời răn đe phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và quyết định hình phạt:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại có đơn yêu cầu không xử lý hình sự đối với bị cáo, lỗi ban đầu xuất phát từ phía bị hại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về quyết định hình phạt: Bị cáo được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhA thA tốt chưa có tiền án tiền sự, đã ly hôn và hiện nay phải nuôi 02 con đang đi học, nhằm tạo cho bị cáo yên tâm cải tạo và phấn đấu sửa chữa lỗi lầm. Mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm đã gây ra nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[5] Về biện pháp tư pháp:

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Bị hại có đơn rút yêu cầu khởi tố và vắng mặt tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử xem xét chỉ chấp nhận đối với các chi phí có chứng từ và các chi phí hợp

lý khác. Đối với các yêu cầu không chứng từ tách ra giải quyết theo thủ tục tố tụng dA sự khi bị hại có yêu cầu.

[6] Về án phí sơ thẩm:

Bị cáo phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Tô Thị Đ phạm tội "Cố ý gây thương tích".

[1]. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Tô Thị Đ 01 (một) năm 06 (sáu) tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 03 (ba) năm, kể từ ngày tuyên án (14/6/2023).

Giao bị cáo Tô Thị Đ cho Ủy ban nhA dA phường M, thành phố L, tỉnh A giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2]. Về biện pháp tư pháp:

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01(một) cái ghế nhựa màu xanh. (Theo biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố L và Chi cục thi hành án dA sự thành phố L ngày 26 tháng 5 năm 2023).

Về trách nhiệm dA sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 590 Bộ luật dA sự.

Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại là 22.439.000 đồng, được khấu trừ 10.000.000 đồng bị cáo đã nộp theo ủy nhiệm chi số 36 ngày 16/5/2023 của công an thành phố L, biên lai thu tiền số 0001557 ngày 29/5/2023 của Chi cục thi hành án dA sự thành phố L. Bị cáo có trách nhiệm tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền 12.439.000 đồng.

[3] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo nộp số tiền 200.000 đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 622.000 đ (sáu trăm hai mươi hai ngàn đồng) án phí dA sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy đinh tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích điều 26 Luật thi hành án)

Nơi nhận:
- VKSND TP. Long Xuyên;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp;
- Nhà Tạm giữ Công an TP. Long Xuyên;
- CQTHAHS Công an TP. Long Xuyên;
- CQĐT Công an TP. Long Xuyên;
- Chi cục THADS TP. Long Xuyên;
- Bộ phận THA Tòa án;
- UBND cấp xã nơi BC cư trú;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Quốc Việt